

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10/2025/QĐCNTTLH

T, ngày 09 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào điều 32, 33, 34 và điều 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào điều 51, 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Lê Thanh H và chị Hoàng Thị G.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc xin ly hôn của anh Lê Thanh H;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 24 tháng 3 năm 2025 về sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1990.

Người bị kiện: Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1989.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Lê Hà L, sinh ngày 26/9/2012;

+ Cháu Lê Gia T, sinh ngày 31/10/2014.

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật cho các cháu L và T: Anh Lê Thanh H và chị Hoàng Thị G là bố mẹ đẻ của cháu.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và Biên bản ghi nhận ý kiến của các bên về kết quả hòa giải thành đã được ghi nhận trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 24 tháng 3 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 24 tháng 3 năm 2025, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh H và chị Hoàng Thị G thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Thanh H và chị Hoàng Thị G có 02 con chung các cháu Lê Hà L, sinh ngày 26/09/2012 và cháu Lê Gia T, sinh ngày 31/10/2014. Hiện nay các cháu L và T đang ở với chị G. Ly hôn anh chị thỏa thuận giao cho chị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu L và T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị G số tiền là 1.500.000đồng/cháu/tháng. Tổng số tiền anh H cấp dưỡng nuôi dưỡng hai cháu L và T là 3.000.000đồng/tháng/ hai cháu. Thời gian tính từ tháng 4/2025 cho đến khi các cháu L và T đủ 18 tuổi.

Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị G và các thành viên trong gia đình không ai được ngăn cản anh H thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị G có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền anh H cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh H không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Anh H, chị G đều khẳng định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- Phòng KT NV Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện T;
- UBND xã T(*Giấy CNKH số 85 tháng 10/2011*);
- Lưu hồ sơ TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh N

